

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/HS-ST.
Ngày: 14-9-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm hình thức trực tuyến công khai tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa; Điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện L gồm: Bị cáo, Thư ký và cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 163/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Văn L, sinh năm 1989 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ E, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình có 07 chị em và chưa có vợ con.

Tiền án:

- Ngày 20/5/2008, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 495/2008/HSPT.

- Ngày 27/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 166/2013/HSST.

- Ngày 27/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 04/2015/HS-ST.

- Ngày 27/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 14/2015/HS-ST.

- Ngày 29/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp bản án số 14/2015/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ buộc chấp hành hình phạt chung 09 năm tù tại Bản án số 166/2015/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt ngày 16/9/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 31/5/2023 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L ra quyết định khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/3/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện L (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nghiêm Xuân T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ C, ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Bùi Quang H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

+ Bà Nhữ Thị H1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Lê Tấn T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

+ Ông Võ Văn T2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn L là người nghiện ma túy và đã có 05 tiền án về các tội “Cướp tài sản, “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Lúc 23 giờ ngày 26/12/2022, L chuẩn bị 01 ba lô đeo sau lưng, một chiếc kim cắt sắt rồi điều khiển xe mô tô hiệu BOSS, biển số 39F6-1235 đi lòng vòng từ nhà ở ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp. Khi đến khu vực tổ G, ấp C,

xã C, huyện L, L phát hiện tiệm điện thoại của anh Nghiêm Xuân T khóa cửa trước, không có hàng rào nên L dựng xe bên hông tiệm rồi đi ra phía sau dùng kim cắt ổ khoá mở cửa sau đột nhập vào bên trong tiệm. Lúc này, thấy cửa kính đều khóa nên L lấy 01 thanh sắt dài khoảng 40cm nằm bên hông tiệm cạy cửa tủ kính lấy trộm 23 chiếc điện thoại di động gồm 01 điện thoại di động SAMSUNG A70, màu xanh; 01 điện thoại di động SAMSUNG j4+, màu đen; 01 điện thoại di động SAMSUNG A21S, màu xanh; 02 điện thoại di động SAMSUNG A10, màu xanh; 02 điện thoại di động SAMSUNG j6+, màu đỏ; 01 điện thoại di động SAMSUNG A50S, màu đen; 03 điện thoại di động SAMSUNG j7pro, màu đen; 01 điện thoại di động SAMSUNG j7 Prime, màu vàng; 01 điện thoại di động SAMSUNG A03, màu đen; 01 điện thoại di động OPPO A83, màu hồng; 01 điện thoại di động OPPO A59, màu vàng; 01 điện thoại di động HUAWEI, màu đen; 01 điện thoại di động IPHONE 6, màu trắng; 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS, màu hồng; 01 điện thoại di động IPHONE 12 PROMAX, màu xanh; 02 điện thoại di động REDME C1, màu xanh đen; 01 điện thoại di động OPPO R7, màu vàng; 01 điện thoại di động IPHONE XS, màu vàng (tất cả đều đã qua sử dụng); 03 cục sạc dự phòng; 02 cục sạc, cáp sạc; 08 sim Viettel 4G; 10 sim V; 10 sim Vietnammobile; 05 sim Mobiphone; 30 thẻ cào điện thoại các loại gồm: 10 cái mệnh giá 20.000 đồng, 10 cái mệnh giá 50.000 đồng, 05 cái mệnh giá 100.000 đồng và 05 cái mệnh giá 200.000 đồng.

Sau khi trộm cắp tài sản xong, L điều khiển xe mô tô trên đi đến 01 căn nhà hoang ở ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. L kiểm tra thấy 04 điện thoại di động còn sử dụng được, một số điện thoại bị hư hỏng nên bỏ vào ba lô cất giấu tại nhà hoang rồi về nhà ngủ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, L quay lại căn nhà hoang trên lấy 04 chiếc điện thoại gồm: 02 chiếc điện thoại SamSung A10, 01 chiếc Iphone 7 Plus và 01 Iphone 12 promax đi đến cửa hàng điện thoại “Đông Phương Nam” thuộc ấp F, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, L bán 01 điện thoại hiệu SamSung A10 cho Nhữ Thị H1 với giá 700.000 đồng và cầm cố 01 điện thoại SamSung A10 cho chị H1 với số tiền 1.000.000 đồng. Riêng 01 cái điện thoại iphone 7 Plus và Iphone 12 promax L mang về. Đến 14 giờ ngày 28/12/2022, L tiếp tục điều khiển xe mô tô đến tiệm điện thoại của chị H1 để bán 01 cái điện thoại iphone 7 Plus và Iphone 12 promax nhưng chị H1 không mua nên L bán điện thoại SamSung A10 đã cầm cố trước đó với giá 1.300.000 đồng cho H1 (H1 đưa thêm cho L 300.000 đồng trừ 1.000.000 đồng cầm cố trước đó).

Đến ngày 01/01/2023, L gặp một người bạn tên D (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) đưa cho D 04 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại Iphone 12 Promax đã bị bể mặt trước sau, 02 điện thoại Samsung và 01 điện thoại Oppo đã bị tháo rời để D đi bán. Khoảng 14 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô (không rõ biển số của D) chở L đến tiệm điện thoại “Bi APPLE” ở ấp A, xã B, huyện L do Lê Tân T1 làm chủ. D đi vào tiệm bán cho T1 04 điện thoại trên với giá 1.200.000 đồng đưa cho L thì L cho D 200.000 đồng, còn lại L tiêu xài hết.

Khoảng 11 giờ, ngày 07/01/2023, L và D tiếp tục đến tiệm điện thoại tên “BI APPLE” bán cho T1 04 điện thoại di động hiệu S1 và O (gồm 02 điện thoại Oppo đã tháo rời màn hình, còn 02 điện thoại di động S đã bị bể mặt sau). T1 cầm và kiểm tra

thấy có thể sử dụng để lấy linh kiện nên đồng ý mua với số tiền 4.000.000 đồng. L chia cho D 500.000 đồng, còn lại L tiêu xài hết.

Đối với số điện thoại còn lại do L trộm cắp của anh Nghiêm Xuân T chưa tiêu thụ được, L bỏ vào túi nilon rồi đem cất giấu tại bụi cỏ ở lô cao su thuộc xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai mục đích tìm nơi tiêu thụ nhưng sau đó đã bị mất. Đến ngày 10/3/2023, L bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L bắt tạm giam về hành vi trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 107 ngày 20/2/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện L kết luận: 01 điện thoại di động SAMSUNG A70, màu xanh; 01 điện thoại di động SAMSUNG j4+, màu đen; 01 điện thoại di động SAMSUNG A21S, màu xanh; 02 điện thoại di động SAMSUNG A10, màu xanh; 02 điện thoại di động SAMSUNG j6+, màu đỏ; 01 điện thoại di động SAMSUNG A50S, màu đen; 03 điện thoại di động SAMSUNG j7pro, màu đen; 01 điện thoại di động SAMSUNG j7 Prime, màu vàng; 01 điện thoại di động SAMSUNG A03, màu đen; 01 điện thoại di động OPPO A83, màu hồng; 01 điện thoại di động OPPO A59, màu vàng; 01 điện thoại di động HUAWEI, màu đen; 01 điện thoại di động IPHONE 6, màu trắng; 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS, màu hồng; 01 điện thoại di động IPHONE 12 PROMAX, màu xanh; 02 điện thoại di động REDME C1, màu xanh đen; 01 điện thoại di động OPPO R7, màu vàng; 01 điện thoại di động IPHONE XS, màu vàng (tất cả đều đã qua sử dụng) có tổng trị giá 46.450.000 đồng. Riêng 03 cục sạc dự phòng; 02 cục sạc, cáp sạc; 08 sim Viettel 4G; 10 sim V; 10 sim Vietnammobile; 05 sim Mobiphone không thể định giá.

Vật chứng vụ án:

Đối với 02 điện thoại Samsung A10 và 08 điện thoại gồm: 01 điện thoại Iphone 12 Promax, 04 điện thoại Samsung và 03 điện thoại Oppo do Nhữ Thị H1 và Lê Tấn T1 mua của L hiện đã bán lại cho người khác chưa rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể nên không thu hồi được.

Đối với số điện thoại còn lại do L trộm cắp của anh T1 và 03 cục sạc dự phòng, 02 cục sạc, cáp sạc, 08 sim Viettel 4G, 10 sim V, 10 sim Vietnammobile, 05 sim Mobiphone hiện đã mất, 30 thẻ cào điện thoại trị giá 2.200.000 đồng gồm: 10 cái mệnh giá 20.000 đồng, 10 cái mệnh giá 50.000 đồng, 05 cái mệnh giá 100.000 đồng, 05 cái mệnh giá 200.000 đồng L đã sử dụng hết, 01 cái kim, 01 đoạn sắt dùng để phá khóa cửa và 01 ba lô L đã vứt bỏ trên đường tẩu thoát nên không thu giữ được.

Đối với xe mô tô hiệu Boss biển số 39F6 – 1235 do ông T2 mua lại của một người tên T4 không rõ địa chỉ nhưng ông T2 không biết L sử dụng vào việc phạm tội, sau đó L đã làm mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không thu giữ. Ông T2 không yêu cầu gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị hại Nghiêm Xuân T yêu cầu bị cáo L bồi thường tài sản bị L chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L bị cáo Võ Văn L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên phù hợp với lời khai của người bị hại,

người làm chứng cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 155/CT-VKS-LT ngày 31/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Võ Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn L mức án tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về vật chứng vụ án: Không có vật chứng cần xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường tài sản bị chiếm đoạt theo yêu cầu của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này còn có đối tượng tên D có hành vi giúp bị cáo L bán tài sản do L trộm cắp mà có nhưng hiện chưa rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Nhữ Thị H1 và Lê Tấn T1 có hành vi mua điện thoại của L nhưng không biết tài sản trên do L trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không khởi tố.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn L khai nhận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 26/12/2022 L có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Nghiêm Xuân T 23 điện thoại di động gồm 01 điện thoại Samsung A70 màu xanh, 01 điện thoại Samsung j4+ màu đen, 01 điện thoại Samsung A21S màu xanh, 02 điện thoại Samsung A10 màu xanh, 02 điện thoại Samsung j6+ màu đỏ, 01 điện thoại Samsung A50S màu đen, 03 điện thoại Samsung j7pro màu đen, 01 điện thoại Samsung j7prime màu vàng, 01 điện thoại Samsung A03 màu đen, 01 điện thoại Oppo A83 màu hồng, 01 điện thoại Oppo A59 màu vàng, 01 điện thoại Huawei màu đen, 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh, 02 điện thoại Iphone Redmi C1 màu xanh đen, 01 điện thoại Oppo R7 màu vàng, 01 điện thoại Iphone XS màu vàng (tất cả đều đã qua sử dụng), 03 cục sạc dự phòng, 02 cục sạc, cáp sạc, 08 sim Viettel 4G, 10

sim V, 10 sim Vietnammobile, 05 sim Mobiphone cùng 30 thẻ cào các loại. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 48.650.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Võ Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, cướp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, có nhân thân cũng đang bị điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không rèn luyện tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho bản thân nên bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là đúng quy định pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt một mức án thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Vật chứng vụ án:

Đối với 02 điện thoại Samsung A10 và 08 điện thoại gồm: 01 điện thoại Iphone 12 Promax, 04 điện thoại Samsung và 03 điện thoại Oppo do Nhữ Thị H1 và Lê Tấn T1 mua của L hiện đã bán lại cho người khác chưa rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể nên không thu hồi được.

Đối với số điện thoại còn lại do L trộm cắp của anh T1 và 03 cục sạc dự phòng, 02 cục sạc, cáp sạc, 08 sim Viettel 4G, 10 sim V, 10 sim Vietnammobile, 05 sim Mobiphone hiện đã mất, 30 thẻ cào điện thoại gồm: 10 cái mệnh giá 20.000 đồng, 10 cái mệnh giá 50.000 đồng, 05 cái mệnh giá 100.000 đồng, 05 cái mệnh giá 200.000 đồng L đã sử dụng hết, 01 cái kim, 01 đoạn sắt dùng để phá khóa cửa và 01 ba lô L đã vứt bỏ trên đường tàu thoát nên không thu giữ được.

Đối với xe mô tô hiệu Boss biển số 39F6 – 1235 do ông T2 mua lại của một người tên T4 không rõ địa chỉ nhưng ông T2 không biết L sử dụng vào việc phạm tội, sau đó L đã làm mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không thu giữ. Ông T2 không yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa bồi thường cho bị hại Nghiêm Xuân T, anh T yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản là 46.450.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác và không yêu cầu ai khác.

Bị cáo đồng ý nên buộc bị cáo bồi thường cho anh T số tiền 46.450.000 đồng. Đối với 30 thẻ cào và các tài sản khác bị hại T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.322.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về vấn đề khác:

Trong vụ án này còn có đối tượng tên D có hành vi giúp bị cáo L bán tài sản do L trộm cắp mà có nhưng hiện chưa rõ họ, tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Nhữ Thị H1 và Lê Tấn T1 có hành vi mua điện thoại của L nhưng không biết tài sản trên do L trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không khởi tố.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Võ Văn L** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn L 04 (bốn) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Văn L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nghiêm Xuân T số tiền 46.450.000 đồng (bốn mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.322.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày bị hại Nghiêm Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Võ Văn L chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo L còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (4);
- Bị cáo (1); Bị hại (1), NCQLNVLQĐVA (3);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc An